

BÀN THÊM VỀ MỐI QUAN HỆ GIỮA NGÂN HÀNG VỚI VIỆC SẮP XẾP, CỔ PHẦN HÓA DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC.

(Tiếp theo kỳ số 08)

Đỗ Xuân Trường*

Để tháo gỡ những khó khăn trên, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 187/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 về chuyển công ty nhà nước thành công ty cổ phần trong đó quy định rõ trách nhiệm của doanh nghiệp (DN) trong việc xử lý các tồn tại về tài chính như công nợ phải thu, công nợ phải trả, tiến hành xác định giá trị DN, bán cổ phần và sử dụng tiền bán cổ phần nhà nước tại DN. Bộ Tài Chính đã ban hành Thông tư số 126/2004/TT-BTC ngày 24 tháng 12 năm 2004 hướng dẫn thực hiện Nghị định của Chính phủ nói trên. Trong đó đã cụ thể hóa phần xử lý tài chính đối với các DN khi tiến hành cổ phần hóa, đối với các khoản nợ quá hạn tồn đọng các DN phải phối hợp cùng các NHTM Nhà nước và căn cứ vào Thông tư số 05/2003/TT-NHNN ngày 24/2/2003 của Thống đốc NHNN hướng dẫn xử lý nợ tồn đọng của DNNN tại NHTM Nhà nước theo nghị định số 69/2002/NĐ-CP ngày 12/7/2002 của Chính phủ để xử lý, cụ thể như sau:

- Đối với các DN Nhà nước có quyết định thực hiện chuyển đổi nhưng gặp khó khăn không cân đối được nguồn để thanh toán các khoản nợ quá hạn thì Tổng

Giám đốc NHTM Nhà nước xem xét quyết định cho DN được giãn, khoan các khoản nợ quá hạn đó đến thời điểm thực hiện quyết định chuyển đổi trong thời hạn từ 3 đến 5 năm. Trường hợp các DN này bị lỗ, không có khả năng thanh toán thì được xóa nợ lãi vay chưa trả ngân hàng với mức không vượt quá số lỗ còn lại.

- Đối với các DN đang thực hiện cổ phần hóa, giao, bán thì ngoài biện pháp khoan nợ, xóa nợ, các NHTM chủ động phối hợp với các DN và các tổ chức có chức năng mua bán nợ và tài sản tồn đọng để xử lý phần nợ gốc quá hạn còn lại theo hướng:

a. Bán nợ.

b. Chuyển nợ thành vốn góp.

Trường hợp khách hàng không trả được nợ gốc đúng kỳ hạn đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và có văn bản đề nghị thì tổ chức tín dụng xem xét cho điều chỉnh kỳ hạn nợ.

- Trường hợp khách hàng không trả nợ lãi đúng kỳ hạn đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và có văn bản xin điều chỉnh kỳ hạn trả lãi thì tổ chức tín dụng xem xét quyết định điều chỉnh kỳ hạn trả nợ lãi; và được quyền miễn, giảm lãi đối với khách hàng khi khách hàng bị tổn thất về tài sản có liên quan đến vốn vay dẫn

đến bị khó khăn về tài chính. Nhưng, việc miễn giảm bao nhiêu là tùy thuộc vào khả năng tài chính của tổ chức tín dụng.

Đối với khoản nợ vay đã được xử lý như khoan nợ, giãn nợ nay đã hết thời hạn khoan nợ, giãn nợ thì NHTM phải chuyển sang nợ vay thông thường. Về nguyên tắc DN phải có trách nhiệm hoàn trả nợ vay cho các NHTM theo chế độ tín dụng quy định. Nhưng trong quá trình cổ phần hóa, khi xác định giá trị DN thì gặp rất nhiều khó khăn như công nợ phải thu, công nợ phải trả và lỗ lũy kế từ những năm trước còn để lại; Vốn chủ sở hữu âm. Do vậy, nếu không xử lý được các khoản nợ tồn đọng thì DN không thể tiến hành cổ phần hóa được. DN gặp khó khăn, lúng túng khi xác định giá trị DN bởi vì đây là những tồn tại về tài chính từ năm trước còn để lại. Nếu không được xử lý thì việc sắp xếp, cổ phần hóa sẽ gặp phải những khó khăn trắc trở. Có những trường hợp sau khi được ngân hàng cho khoan nợ, giãn nợ từ 3 đến 5 năm nhưng đến nay đã hết thời hạn khoan nợ, giãn nợ DN vẫn không có khả năng trả được nợ hoặc không có phương án khả thi trong việc trả nợ.

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam()*

Những vấn đề đặt ra:

Những khoản nợ tồn đọng trên đây do nhiều nguyên nhân gây nên, do chủ quan như công tác quản lý yếu kém, chi tiêu sai nguyên tắc chế độ của Nhà nước quy định, đầu tư không tính toán dẫn đến không có hiệu quả và do khách quan gây nên như thời tiết, sâu bệnh, bão lụt mất mùa hoặc do giá cả trên thị trường trên thế giới giảm thấp, làm cho DN kinh doanh thua lỗ.

- Bản thân DN khi đó được sắp xếp lại cổ phần hóa thì rất cần vốn phải trang trải các khoản nợ, nhưng một khi tài chính đã yếu thì vấn đề mãi và nếu được nhà nước cho xử lý xóa nợ thì đó là điều lý tưởng. Nhưng trong thực tế hiện nay, mặc dù đã có Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính và của NHNN về xử lý tài chính khi chuyển đổi DNNN sang công ty cổ phần. Nhưng khi thực hiện thì không đơn giản, có những DN phải đi “chạy” hết “cửa” này đến “cửa” khác hoặc gửi văn bản lên cấp trên đề nghị xin được khoan nợ tiếp, hoặc xin xóa nợ gốc, xóa nợ lãi nhưng việc giải quyết vẫn bế tắc. Bởi vì, NHTM cũng là DN nên một khi miễn giảm lãi, hoặc xóa nợ cho DN thì nó không phải là việc nhỏ vì nó ảnh hưởng đến lợi nhuận của ngân hàng?

- Phần lớn các DNNN hiện nay vẫn còn tư tưởng ỷ lại trông chờ vào sự chi viện của Nhà nước như xin được kéo dài thêm thời

gian khoan nợ, giãn nợ, và xin xóa nợ.

- Chúng tôi cho rằng trong thời gian trước mắt Nhà nước chỉ cần tập trung đầu tư cho các DNNN giữ vị trí trọng yếu trong nền kinh tế quốc dân như điện lực, dầu khí, bưu chính viễn thông... Kiên quyết giải thể những DNNN thua lỗ kéo dài, hoạt động không có hiệu quả.

Không chỉ có các DN mà các NHTM cũng có những khoản nợ khó đòi, tồn đọng như khoản nợ cho vay thanh toán công nợ những năm trước còn để lại gặp rất nhiều khó khăn do NHTM cho các DN vay, đến thời điểm tiến hành cổ phần hóa DN vẫn còn mắc nợ và không có khả năng trả nợ, khi tiến hành xác định giá trị DN, những khoản nợ này không có vật tư đảm bảo, các NHTM phải xử lý bán nợ cho công ty mua bán nợ và tài sản tồn đọng theo giá thỏa thuận, nhưng quá trình đó lại diễn ra giá bán nợ thường thấp hơn nhiều so với số dư nợ gốc. Như vậy, làm cho NHTM bị thâm hụt vốn kinh doanh. Vậy ai là người giải quyết nguồn vốn bù đắp thiếu hụt này. Những khó khăn của ngân hàng cũng chính là khó khăn của DN và ngược lại, chính vì vậy hai bên phải gặp nhau bàn bạc hợp tác và giải quyết để có lợi cho cả mỗi bên. Cổ phần hóa DN là huy động thêm vốn đầu tư của xã hội vào sản xuất kinh doanh. Qua cổ

phần hóa, vốn nhà nước tại DN được đánh giá lại khách quan và chính xác hơn, mặt khác huy động được của các tổ chức cá nhân ngoài xã hội vào DN để đầu tư đổi mới công nghệ, mở rộng sản xuất kinh doanh, nâng cao sự năng động và sức cạnh tranh của DN, vốn nhà nước tại DN không những được bảo toàn và phát triển mà nó còn đảm bảo cho các chu kỳ tái sản xuất mở rộng tiếp theo. Mục tiêu của cổ phần hóa sẽ làm cho DN đủ mạnh, sản xuất kinh doanh có lãi, nên cấp có thẩm quyền khi ra quyết định không thể “chạy” theo phong trào hay vì mục tiêu chính trị mà quyết định một cách gượng ép, cố đưa DN vào diện cổ phần hóa để lấy thành tích, rồi để lại những hậu quả sau này khó khắc phục.

Cổ phần hóa mang lại cho DN cơ chế quản lý năng động hơn, có hiệu quả hơn thích nghi với nền kinh tế thị trường; Doanh nghiệp tự chủ, tự chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước cổ đông về hoạt động và kết quả sản xuất kinh doanh của mình. Thu nhập và quyền lợi của người lao động được bảo vệ, bản thân DN phải làm tròn nghĩa vụ với ngân sách nhà nước. Tình hình tài chính được trong sạch, lành mạnh.

Thực hiện nghị quyết Hội nghị lần thứ IX của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về thực hiện một số chủ trương giải pháp lớn: Đối với DNNN

kiên quyết xóa bỏ các loại bảo hộ bất hợp lý như khoan nợ, giãn nợ, xóa nợ cấp vốn tín dụng ưu đãi tràn lan đối với các hoạt động kinh doanh của DNNN. Thực hiện đầu tư vốn thông qua các công ty đầu tư tài chính của Nhà nước. Từ thực tế hiện nay, vẫn còn nhiều vướng mắc về cơ chế chính sách trong quá trình thực hiện chưa được tháo gỡ, tiến độ thực hiện chậm, hiệu quả hoạt động của nhiều DNNN còn thấp, tình trạng thất thoát, lãng phí và tham nhũng chưa được khắc phục.

Từ những vấn đề thực tiễn nói trên, xin nêu một vài giải pháp:

Thứ nhất, thực hiện tốt mối liên kết 3 nhà: Nhà DN – nhà Tài chính – nhà Ngân hàng phải có sự liên kết gắn bó chặt chẽ cùng chia sẻ khó khăn với nhau tạo điều kiện cho DN giải quyết hết những tồn tại cũ. Trước hết, Bộ Tài chính phải giành nguồn kinh phí nhất định từ quỹ sắp xếp lại DN để hỗ trợ cho các DN xử lý các khoản nợ tồn đọng, đảm bảo lợi ích của Nhà nước và của DN thì mới có thể đẩy nhanh tiến độ cổ phần hóa DN và bản thân DN mới tiến hành được thuận lợi dễ dàng.

Thứ hai là, trong điều kiện vốn ngân sách nhà nước còn nhiều khó khăn phải giải quyết nhu cầu chi tiêu lớn cho an ninh quốc phòng và các nhu cầu phát triển kinh tế, văn hóa xã hội khác nên việc trợ giúp cho các DN cũng rất hạn hẹp. Bản thân

các NHTM cũng là DN nên nguồn vốn cho vay cũng là nguồn vốn huy động. Nếu DN không trả được nợ thì Ngân hàng cũng sẽ không có vốn để quay vòng và ngược lại, nên DN phải nêu cao tinh thần tự lực cánh sinh là chính, tận dụng mọi nguồn thu và huy động vốn từ nhiều nguồn để giảm bớt những áp lực khó khăn nói chung.

Thứ ba là, việc cho khoan nợ, giãn nợ, xóa nợ, miễn giảm lãi là quyền của các tổ chức tín dụng đối với DN; các NHTM cần hướng dẫn cụ thể các DN về trình tự, thủ tục hồ sơ về xử lý các khoản nợ tồn đọng theo chỉ đạo của các Bộ, Ngành ở Trung ương. Đồng thời, xem xét lại việc điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, cơ cấu lại nợ để tạo điều kiện cho các DN tiến hành sắp xếp, cổ phần hóa được thuận lợi, dễ dàng với phương châm sát cánh cùng DN. NHNN không can thiệp vào quyền tự chủ kinh doanh của các tổ chức tín dụng.

Thứ tư là, đối với các DNNN đã, đang và sẽ sắp xếp lại để cổ phần hóa, các NHTM chủ động tham gia xây dựng và quyết định phương án sắp xếp lại DNNN với vai trò là chủ nợ, phù hợp với chính sách và giải pháp tiếp tục đổi mới DNNN theo tinh thần nghị quyết Hội nghị lần thứ IX của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa IX. Đồng thời, tiếp tục mở rộng đầu tư vốn tín dụng để giúp cho các DN đổi mới công nghệ bằng

nguồn vốn trung dài hạn để mua sắm các loại máy móc thiết bị, dây chuyền sản xuất và xây dựng nhà xưởng để DN có đủ sức cạnh tranh cao, phát triển nhanh, có hiệu quả và bền vững trong quá trình hội nhập quốc tế.

Thứ năm là, cần tổ chức cuộc đối thoại trực tiếp hoặc cuộc hội thảo giữa Ngân hàng và DN do NHNN cùng phối hợp với Bộ Tài chính chủ trì có sự tham gia của các ngành có liên quan để nghe tiếng nói của các DN về những khó khăn vướng mắc về tài chính khi cổ phần hóa (bao gồm các tổng công ty lớn, một số DN thuộc địa phương quản lý) do các NHTM tự lựa chọn để kịp thời kiến nghị lên chính phủ có biện pháp xử lý, để đẩy nhanh tiến độ cổ phần hóa DN.

Thứ sáu là, cần phát triển mạnh mẽ mô hình DN tư nhân, mô hình này rất thích hợp với nền kinh tế thị trường ở nước ta, Vì họ tự bỏ vốn ra bằng nhiều nguồn có cả những nguồn vốn tín dụng phi chính thức, họ tự thuê mặt bằng để sản xuất, đầu tư xây dựng cơ sở nhà xưởng, tự thuê lao động, họ hạch toán giá thành sản phẩm giữa đầu vào và đầu ra, họ phải tính toán trả đủ lương công nhân; tính toán rất chặt chẽ nên những khoản chi tiêu rất tiết kiệm, ít có những hiện tượng lãng phí, tiêu cực như trong DNNN, tệ nạn biểu xén cấp trên là hầu như không có, nên ít xảy ra tệ nạn tham nhũng ■